HTÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2023/DS-PT
Ngày: 31 – 5 – 2023
V/v tranh chấp *"Đòi đất cho ở nhờ; công nhận quyền sử dụng đất; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**;

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**;

Bà **Nguyễn Thanh Nhàn.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thu Hà** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà***: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "*Đòi đất cho ở nhờ; công nhận quyền sử dụng đất; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 303/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 494/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Đỗ Thị B, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957; là Luật sư – Tư vấn viên pháp luật – Thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật – Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang (Giấy giới thiệu số 12/GGT.TTTV ngày 04/5/2023 của Trung tâm tư vấn pháp luật tỉnh Tiền Giang – có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Đỗ Thị H1, sinh năm 1964 (có mặt)

2. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt);

3. Đỗ Hoài T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Đỗ Thị Thúy V, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng K.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hoàng K, chức vụ: Trưởng văn phòng (có đơn xin vắng mặt); Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày*:

Nguồn gốc diện tích 575,1m^2, thửa đất số 484, tờ bản đồ số 18, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08443 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/6/2018 cho chị H đứng tên là của bà Đỗ Thị H1 đứng tên trước đây. Năm 2018 thì mẹ chị là bà Đỗ Thị H1 chuyển tên cho chị đứng tên. Năm 1997 do mẹ chị thấy dì B không có chồng, có con (trước thì ở C, Tiền Giang) cuộc sống khó khăn nên mẹ chị cất ngôi nhà nhỏ cho dì B ở để nuôi con, cho ở tạm thôi, không cho đứng tên giấy nên dì B sống trên đất cho đến nay. Trong thời gian sống trên đất hai bên gia đình xảy ra mâu thuẫn dì B thường xuyên vu khống nên chị thống nhất không cho dì B ở trên đất nữa. Tháng 4/2019 dì B nhiều lần kích cậu chị tên Đỗ Hoài T gây áp lực cho gia đình chị, đồng thời dì B chăn nuôi dê gây ô nhiễm hôi thối làm ảnh hưởng đến sức khỏe gia đình, dì B còn hâm đánh cha chị.

Nay, chị yêu cầu dì B di dời nhà để trả lại đất cho chị với diện tích đo đạc thực tế là 277,8m^2, đo đạc sau khi chừa lối đi với diện tích 236,7m^2, đất tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Chị không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà B.

Hiện nay, mẹ chị là bà H1 đứng tên thửa đất số 485, tờ bản đồ số 18, diện tích 967,8m^2, loại đất lúa, chị và mẹ chị tự nguyện cắt cho dì B phần đất này để cất nhà ở và để bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Theo đơn khởi kiện phản tố, bản tự khai, biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị B trình bày*:

Bà thừa nhận trước đây chị của bà tên Đỗ Thị H1 có kêu bà về cất nhà ở tạm trên thửa đất số 484, tờ bản đồ số 18, ngôi nhà có kết cấu: nền xi măng, cột xi măng, mái tol xi măng, vách thiếc do bà xây dựng và ở trên 20 năm nay, không nhớ thời gian chính xác, ngôi nhà này bà nhờ chị H1 gọi thợ, mua vật tư

cất nhà, bà làm có tiền thì đưa lại cho chị. Hiện nay, phần đất này do con gái chị H1 đứng tên đất là Nguyễn Thị Kim H.

Nay, bà không đồng ý di dời nhà đi nơi khác vì ngoài phần đất bà đang ở thì bà không còn đất nào khác để di dời. Hơn nữa cuộc sống bà khó khăn nên không có tiền để di dời đi nơi khác, ý kiến tự nguyện của nguyên đơn cho diện tích đất khoảng 1000m^2 để bà di dời cất nhà ở, bà không đồng ý.

Theo đơn phản tố, bà B yêu cầu công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 130m^2, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do chị H đứng tên được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp số CH08043 ngày 13/6/2009 và kiến nghị Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 484, tờ bản đồ số 18, diện tích 967,8m^2 cấp ngày 13/6/2009, cho chị H đứng tên, đất tại ấp A, xã V, huyện G, Tiền Giang.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H1 trình bày*:

Bà là mẹ của chị H. Bà H1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị H. Bà yêu cầu Đỗ Thị B di dời nhà đi nơi khác trả lại đất cho con gái bà. Bà tự nguyện cho B và Hoài T diện tích đất khoảng 1000m^2 ở phía sau để cất nhà ở, đồng thời tạo cho lối đi ngang 01m để đi ra và cho đứng tên đất theo quy định. Bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện phản tố của bà B.

** Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu C trình bày*:

Năm 2006 vợ chồng ông có cất cho Đỗ Thị B một căn nhà nằm trên thửa đất số 484, tờ bản đồ số 18 để ở tạm nuôi con sau khi thôi chồng. Trong thời gian sinh sống trên cùng thửa đất thường xảy ra mâu thuẫn do con rể Đỗ Thị B và Hoài T kiếm chuyện, hăm dọa đòi đánh ông nên mỗi lần nhậu, ông không dám lấy vé số để bán. Vợ chồng ông đã ngoài 60 tuổi nên vợ chồng ông chuyển một phần tài sản cho con gái là Nguyễn Thị Kim H, còn lại một phần cho Đỗ Thị B và Đỗ Hoài T thửa đất 485, tờ bản đồ số 18, diện tích 967,8m^2. Nay, ông yêu cầu Đỗ Thị B di dời nhà để trả lại đất cho con gái ông, ông tự nguyện cho B và T thửa đất 485, tờ bản đồ số 18 và tạo lối đi ngang 01m.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Thúy V trình bày*:

Chị là con của bà B. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà cố, năm 1995 mẹ chị về sống với bà ngoại và có chung hộ khẩu với bà H1. Nay, chị thống nhất với ý kiến của mẹ chị.

** Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hoài T trình bày*:

Anh là cậu ruột của Nguyễn Thị Kim H và là em ruột của chị Đỗ Thị B. Gia đình anh gồm cho 04 anh chị em trong đó người anh thứ 3 đã chết khi con nhỏ, còn lại 03 người gồm chị hai là Đỗ Thị H1 (mẹ ruột của Nguyễn Thị Kim H), chị tư là Đỗ Thị B và anh. Khi anh còn nhỏ thì sống chung với bà ngoại là

Đỗ Thị N. Do mẹ anh trí óc không được minh mẫn nên khi bà ngoại mất thì để lại toàn bộ tài sản khoảng 1,2 ha đất cho chị hai là Đỗ Thị H1 đứng tên. Năm 1995, chị tư lấy chồng và đi theo chồng sau đó ly hôn rồi về ở chung nhà với chị H1 nhưng do chị em cự cãi thì khoảng năm 1996 - 1997 chị H1 cho chị tư phần đất phía sau để cất 01 căn chòi, phần đất này là phần đất hiện nay chị tư đang ở. Giữa năm 2003, trước anh cưới vợ, chị hai mới chia cho anh phần đất ruộng phía sau để cất nhà ở, khi chia thì không nói rõ diện tích mà chị hai đào 01 cái đường mương làm ranh. Anh T ở nhà bà B chỉ là ở nhờ, lâu lâu đi biển về ở vài ngày rồi đi nữa, anh không có bỏ tiền để cất nhà. Nay, Kim H yêu cầu chị B di dời nhà và trả lại phần đất diện tích 277,8m^2 và chia lại cho bà B và anh diện tích 1000m^2 cho đứng tên giấy chứng nhận, anh không đồng ý do phần đất chị B đang cất nhà ở trước đây bà H1 đã chia cho bà B rồi nhưng chưa làm giấy còn phần đất 1000m^2 bà H1 cũng đã chia cho anh rồi là đất của anh nhưng chưa làm giấy.

* Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng K có đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 303/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân huyện G, đã áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, 166, 357, 500, 502, 503 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị B.

Bà Đỗ Thị B được quyền sử dụng diện tích 236,7m^2, thuộc thửa 484, tờ bản đồ số 18, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08043 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/6/2018 cho chị H đứng tên, đất tại ấp A, xã V, huyện G, Tiền Giang. Có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất ông Trần Bạch Đ;

+ Tây giáp đất chị Nguyễn Thị Kim H (phần số 1)

+ Nam giáp đường đi (phần số 3)

+ Bắc giáp đất Nguyễn Thanh T, đất Nguyễn Thị Kim H.

Công nhận diện tích 41,1m^2, thuộc thửa đất số 484, tờ bản đồ số 18, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08043 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/6/2018 cho chị H đứng tên là lối đi chung. Có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất ông Trần Bạch Đ;

+ Tây giáp đất chị Nguyễn Thị Kim H (phần số 1);

+ Nam giáp kênh;

+ Bắc giáp đất giao cho bà B (phần số 2)

(Các phần đất có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

Bà B có nghĩa vụ giao giá trị quyền sử dụng đất diện tích nêu trên cho chị H số tiền 47.340.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị H cho đến khi thi hành án xong, bà B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà B được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 27 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 303/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Yêu cầu bà Đỗ Thị B phải di dời nhà và trả lại đất cho chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất, bà B di dời nhà ở, công trình trên đất, giao trả lại cho chị H diện tích đất 277,8m^2, thuộc thửa số 484. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H được thực hiện trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp "*Đòi đất cho ở nhờ; công nhận quyền sử dụng đất; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể:

- Bà Đỗ Thị B tự nguyện di dời nhà ở, chuồng dê, chuồng vịt, cây trồng để giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim H diện tích đất 277,8m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 484, tờ bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08043 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim H đứng tên.

Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà B số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thời hạn chị H giao số tiền hỗ trợ là 02 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Thời hạn bà B được lưu cư để ổn định nơi ở mới là 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chậm giao số tiền hỗ trợ nêu trên thì chị H phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Hữu C giao cho bà Đỗ Thị B và ông Đỗ Hoài T quyền quản lý sử dụng cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 967,8m^2 đất trồng lúa, thửa số 485, tờ bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01864 ngày 19/6/2009 của Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Hữu C.

Khi án có hiệu lực pháp luật bà Đỗ Thị B và ông Đỗ Hoài T được quyền liên hệ đến cơ quan quản lý đất đai để đăng ký biến động đất đai theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai đối với quyền sử dụng đất: thửa đất số 485, tờ bản đồ số 18, diện tích 967,8m^2 tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện mở đường đi qua hai thửa đất số 484 và 494 do chị H đứng tên quyền sử dụng đất để đi vào thửa đất số 485 khi bà H1 và ông C giao đất cho bà B và ông T, đường đi có chiều rộng (chiều ngang) là 01 mét (một mét) một phần thuộc thửa 484 có diện tích 29,2m^2 và một phần thuộc thửa 494 có diện tích 42,5m^2 (có sơ đồ kèm theo).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0017377 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự G, bà B được hoàn lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Xét, việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 166, 357, 500, 502, 503 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 303/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Bà Đỗ Thị B tự nguyện di dời nhà ở, chuồng dê, chuồng vịt, cây trồng để giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim H diện tích đất 277,8m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 484, tờ bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08043 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim H đứng tên.

Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho bà B số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thời hạn chị H giao số tiền hỗ trợ là 02 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Thời hạn bà B được lưu cư để ổn định nơi ở mới là 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chậm giao số tiền hỗ trợ nêu trên thì chị H phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Hữu C giao cho bà Đỗ Thị B và ông Đỗ Hoài T quyền quản lý sử dụng cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 967,8m^2 đất trồng lúa, thửa số 485, tở bản đồ số 18 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01864 ngày 19/6/2009 của Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Hữu C.

Khi án có hiệu lực pháp luật bà Đỗ Thị B và ông Đỗ Hoài T được quyền liên hệ đến cơ quan quản lý đất đai để đăng ký biến động đất đai theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai đối với quyền sử dụng đất: thửa đất số 485, tờ bản đồ số 18, diện tích 967, 8m^2 tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện mở đường đi qua hai thửa đất số 484 và 494 do chị H đứng tên quyền sử dụng đất để đi vào thửa đất số 485 khi bà H1

và ông C giao đất cho bà B và ông T, đường đi có chiều rộng (chiều ngang) là 01 mét (một mét) một phần thuộc thửa 484 có diện tích 29,2m^2 và một phần thuộc thửa 494 có diện tích 42,5m^2 (có sơ đồ kèm theo).

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà B chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0017377 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự G, bà B được hoàn lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Hoàn lại chị Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0016873 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự G, tỉnh Tiền Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại chị Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0006434 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự G, tỉnh Tiền Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H.G;
- THADS H.G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- Đăng cổng TTĐT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt